

**TÒA ÁN ND TP.BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **548/2021/HS-ST**
Ngày: 20-12-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 543/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Minh T**, sinh năm 1992, tại Quảng Trị; Hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn D, huyện H, tỉnh Q; Nơi ở hiện nay: Sòng lang thang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Họ tên cha: không rõ; Họ tên mẹ: Phan Thị H, sinh năm 1958; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Có vợ: Huỳnh Thị Thuỳ D và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 04/7/2021, hiện đang giam giữ tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Văn G, sinh năm 1978 – Vắng mặt.

Địa chỉ: F19B, tổ 4, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Minh T là người sống lang thang và không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 11 giờ ngày 04/7/2021, bị cáo T mang theo 01 ba lô bên trong có 01 khẩu

súng bằng nhựa màu đen, 01 dao tự chế dài khoảng 18cm, 01 bình xịt hơi cay, 01 tua vít dài khoảng 20cm, 01 găng tay màu đen và đi bộ đến khu vực khu phố 5, phường T, thành phố B để tìm kiếm ai có sơ hở tài sản sẽ trộm cắp đem bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi ngang qua dãy phòng trọ tại địa chỉ F19B, khu phố 5, phường T thì bị cáo phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 của anh Trần Văn G đang dựng trước phòng trọ số 02 không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Khi bị cáo T đi vào dắt xe mô tô trên ra ngoài đường thì bị chị Trần Thị L là (vợ của anh G) đang bán hàng gần đó phát hiện và tri hô nên bị cáo dắt xe bỏ chạy được khoảng 60m thì vút xe lại và chạy bộ. Lúc này, anh Nguyễn Như T1 đã điều khiển xe mô tô chở anh Chu Sỹ T2 đuổi theo bị cáo. Khi đuổi theo kịp và cách bị cáo T khoảng 06m thì bị cáo rút cây súng nhựa trong giỏ xách ra rồi chĩa về phía anh T2 và anh T1. Ngay lúc này, có một thanh niên (không rõ tên, địa chỉ) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đụng vào phía sau bị cáo làm bị cáo té ngã xuống đường nên anh T2 và anh T1 bắt giữ được T giao cho Công an phường Tân Hiệp lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen, 01 ba lô màu đen, 01 dao tự chế dài khoảng 18cm, 01 bình xịt hơi cay màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 tua vít dài khoảng 20cm, 01 chiếc găng tay màu đen thu giữ của bị cáo T;

- 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi và trả cho anh Trần Văn G.

Tại bản kết luận định giá số 338/KL-HĐĐGTS ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 trị giá 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 553/CT-VKSBH ngày 25/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Phan Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Minh T mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Minh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và bị hại anh Trần Văn G vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo T và anh G.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Quá trình điều tra bị cáo Phan Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, vào khoảng 11 giờ ngày 04/7/202, bị cáo T tìm kiếm ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đến phòng trọ tại địa chỉ F19B, khu phố 5, phường Tân Hiệp thì bị cáo phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 của anh Trần Văn G đang dựng trước phòng trọ nên bị cáo đã có hành vi lén lút dắt chiếc xe trên ra ngoài thì bị phát hiện và bắt giữ. Chiếc xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 có giá trị định giá là **5.340.000đ** (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

[4] Lời khai nhận của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhân chứng cùng các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố. Nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Anh Trần Văn G đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô hiệu Wave, biển số 60X8-0901 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi và trả cho anh Trần Văn G là phù hợp.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen, 01 ba lô màu đen, 01 dao tự chế dài khoảng 18cm, 01 bình xịt hơi cay màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 tua vít dài khoảng 20cm, 01 chiếc găng tay màu đen thu giữ của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Phan Minh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Minh T **08 (Tám)** tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ 04/7/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 khẩu súng bằng nhựa màu đen, 01 ba lô màu đen, 01 dao tự chế dài khoảng 18cm, 01 bình xịt hơi cay màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 tua vít dài khoảng 20cm, 01 chiếc găng tay màu đen thu giữ của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Phan Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Trần Văn G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa;
- T.H.A Hình sự;
- Nhà tạm giữ - CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thảo